TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2020/QĐST-HNGĐ	*Lâm Hà, ngày 24 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v YÊU CẦU HỦY KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Thúy.

- *Thư ký phiên họp*: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên họp*: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 424/2019/TLST-VDS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc *"Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 và thông báo mở phiên họp số 01/2020/TB-TA ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Số 58 (12 cũ) đường Ngô Quyền, phường 6, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu: Luật sư Nguyễn Thanh Vũ – Văn phòng Luật sư Quốc Thu thuộc đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Khu B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chị Nguyễn Thị Kim Loan, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Ngày 06/6/1991, bà Huỳnh Thị Tú Avà ông Nguyễn Văn S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống giữa ông S và bà Tú A có một con chung là chị Nguyễn Thị Kim N.

Ngày 22/7/2015 bố chị N được ông bà nội chị là ông Nguyễn Văn L, bà Đỗ Thị X tặng cho quyền sử dụng đất gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 295929, AG 295930, AG 295931, AG 295932.

Ngày 31/7/2017 ông S và bà Tú A giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng bằng Quyết định số 178/2017/QĐST-HNGĐ. Khi giải quyết ly hôn, bà Tú A cho rằng tài sản trên là của ông S được tặng cho riêng nên bà Tú A không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc giải quyết.

Ngày 20/8/2017 ông Nguyễn Văn L qua đời, ngày 02/9/2018 bà Đỗ Thị X qua đời và đến ngày 20/9/2019 thì ông Nguyễn Văn S cũng bị tai biến mất đi.

Thời gian gần đây chị N làm thủ tục mở thừa kế đối với 04 quyền sử dụng đất nêu trên thì chị N mới phát hiện, trong thời kỳ hôn nhân với bà Tú A thì ông S có kết hôn với bà Nguyễn Thị H vào ngày 20/10/2002. Việc kết hôn giữa ông S và bà H là trái pháp luật vì thời điểm này ông S chưa ly hôn với bà Tú A. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà H và ông S để chị N làm thủ tục mở thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H cho rằng: Ngày 20/10/2002 bà H và ông S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà. Việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông S có vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng khi đó bà H hoàn toàn không biết ông S đã từng đăng ký kết hôn với bà Tú A. Đồng thời, năm 2017 ông S và bà Tú A cũng đã giải quyết ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 178/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, bà

H không đồng ý hủy việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông S. Bà H yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S kể từ thời điểm ông S và bà Tú A chấm dứt quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Kim N và chị Nguyễn Thị Kim Loan trình bày: Chị N và chị L không rõ khoảng thời gian nào mẹ của chị N và chị L là bà Dương Thị M có chung sống với ông Nguyễn Văn Sanh. Đến năm 1995 bà Minh sinh chị N và đến năm 1998 bà Minh sinh chị L. Năm 2006 bà Dương Thị M chết, đến năm 2019 thì ông Nguyễn Văn Schết. Nay chị N và chị L biết chị cùng cha khác mẹ với chị N và chị L là chị Nguyễn Thị Kim N làm thủ tục yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn Svà bà Nguyễn Thị H thì chị N và chị L đồng ý với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu ý kiến đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim N. Chị N phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự; Luật sư và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà nhận định:

[1] Tại phiên họp, Luật sư và chị N khẳng định việc đăng ký kết hôn giữa ông S và bà H tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban vào ngày 20/10/2002 là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, Luật sư và chị N giữ nguyên yêu cầu đề nghị hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa ông S và bà H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban vào ngày 20/10/2002, giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01, chị N và chị L đồng ý với yêu cầu của chị N. Bà H khẳng định tại thời điểm đăng ký kết hôn bà H và ông S hoàn toàn tự nguyện, bà H không biết việc ông S trước đó có kết hôn với bà Tú A. Sau khi về chung sống thì bà H mới biết trước đó ông S đã có hai người vợ và 03 người con, ông S không nói cho bà H biết việc ông S có đăng ký kết hôn với bà Tú A. Sau đó, bà H mới được biết ông S và bà Tú A có đăng ký kết hôn nhưng đã làm thủ tục ly hôn từ năm 2017. Vì vậy, bà H không đồng ý hủy việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông S, bà H yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa

bà H và ông S kể từ thời điểm ông S và bà Tú A chấm dứt quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 06/6/1991 ông Nguyễn Văn Svà bà Huỳnh Thị Tú Acó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lộc Châu, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58/91, quyển số 02. Đến năm 2017 ông S và bà Tú A giải quyết ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 178/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Qua làm việc với Uỷ ban nhân dân thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà thì được biết, ngày 17/10/2002 ông S và bà H có đến Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban nộp đơn và yêu cầu làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông bà. Ông S có nộp trích sao Bản án dân sự thụ lý số 278 ngày 06/12/1988 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện ông S và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn. Ông S không khai việc sau khi ly hôn với bà Liên thì ông S có kết hôn với bà Tú A nên Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban không nắm được và tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn cho ông S và bà H. Nay chị N xuất trình chứng cứ chứng minh năm 1991 ông S có kết hôn với bà Tú A, năm 2002 chưa ly hôn nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban làm thủ tục cho ông S và bà H kết hôn là trái pháp luật nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Như vậy, tại thời điểm năm 2002 bà Tú A và ông S chưa ly hôn mà ông S lại kết hôn với bà H là vi phạm khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên việc đăng ký kết hôn giữa ông S và bà H đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban vào ngày 20/10/2002 là trái quy định của của pháp luật. Nhưng đến ngày 31/7/2017 ông S và bà Tú A đã giải quyết ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 178/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng nên kể từ thời điểm ngày 31/7/2017 giữa ông S và bà H đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định Điều 8, khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC -VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, nếu kể từ ngày 31/7/2017 ông S, bà H cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án xem xét công nhận quan hệ hôn nhân đó kể từ thời điểm các bên kết

hôn có đủ điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, từ ngày 31/7/2017 cho đến khi ông S chết, bà H và ông S đều không có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của ông bà và đến ngày 22/9/2019 ông S đã chết. Nay chị N yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật thì bà H mới trình bày yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông S là không phù hợp với quy định của pháp luật và cũng không phù hợp với điều kiện hôn nhân hiện nay của bà H.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Kim N, về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông S và bà H là phù hợp.

[2] Về lệ phí: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Kim N không phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Kim N tạm ứng lệ phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 9, khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Căn cứ Điều 8, điểm a khoản 2 Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

- Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149 và các Điều 367, 369, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Kim N

Hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn Svà bà Nguyễn Thị H đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Ban vào ngày 20/10/2002, giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Kim N không phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị

Kim N 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0007126 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND TT Nam Ban;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Thúy